

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-45
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-45



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Gang Thép Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Gang Thép Thái Nguyên được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Gang Thép Thái Nguyên thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam theo Quyết định số 996/QĐ-VNS ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thép Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Huy	Chủ tịch
Ông Vũ Bá Ôn	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Hoàng Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên
Ông Đoàn Mạnh Trung	Ủy viên
Ông Hoàng Ngọc Diệp	Ủy viên
Ông Đinh Quốc Thái	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Ngọc Diệp	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Mạnh Hữu	Trưởng ban
Bà Đoàn Thu Huyền	Thành viên
Bà Nguyễn Lan Hương	Thành viên
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Huy	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *HN*



Hoàng Ngọc Diệp
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Gang Thép Thái Nguyên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ Phần Gang Thép Thái Nguyên được lập ngày 20 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Gang Thép Thái Nguyên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên đang triển khai Dự án "Cải tạo và mở rộng sản xuất Công ty Gang thép Thái Nguyên - giai đoạn 2" với tổng chi phí đầu tư toàn dự án theo dự toán ban đầu là 3.843,67 tỷ đồng và dự toán điều chỉnh đã được phê duyệt là 8.104,91 tỷ đồng. Dự án được triển khai thực hiện từ năm 2007, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại các hạng mục chính của dự án tại khu vực Lưu Xá vẫn chưa hoàn thành. Tổng chi phí đầu tư của dự án tới thời điểm 31/12/2016 là 4.635,5 tỷ đồng, trong đó chi phí lãi vay được vốn hóa là 1.435,4 tỷ đồng. (Xem thuyết minh số 10)

Trong năm 2015, Công ty đã hoàn thành phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) với số vốn phát hành thêm là 1.000 tỷ đồng, mục đích phát hành tăng vốn để thanh toán cho các hạng mục đầu tư của Dự án cải tạo mở rộng gang thép giai đoạn 2. Khoản tiền này đang được gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai với lãi suất tiền gửi từ 5,3 - 5,5 %/năm. (Xem thuyết minh số 4, số 21 và số 36)

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Thái Trung là công ty con của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên được thành lập từ năm 2011, đang trong giai đoạn đầu tư với hoạt động kinh doanh chính là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. Tuy nhiên, từ năm 2014 đến nay, Công ty tạm dừng hoạt động để hoàn thiện thủ tục xin giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật. Do đó số liệu của Công ty con - Công ty Cổ phần Khoáng sản Thái Trung đang dùng để hợp nhất là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 (Xem thuyết minh số 1-Cấu trúc tập đoàn).

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1

Trương Thị Hoài Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2446-2013-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.155.218.809.700	3.953.859.372.644
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	53.911.500.362	88.953.104.467
111	1. Tiền		53.911.500.362	56.853.104.467
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	32.100.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		897.485.100.225	504.184.220.256
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	825.409.247.545	636.821.818.493
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	243.042.027.791	25.214.982.446
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	124.006.984.153	114.945.464.677
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(294.973.159.264)	(280.849.327.317)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	8.051.281.957
140	IV. Hàng tồn kho	9	2.170.114.381.338	2.318.180.301.604
141	1. Hàng tồn kho		2.170.910.209.673	2.329.755.978.258
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(795.828.335)	(11.575.676.654)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		33.707.827.775	42.541.746.317
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	33.111.392.822	21.260.839.437
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		421.125.949	16.940.596.063
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	175.309.004	4.340.310.817
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.992.259.001.536	7.044.852.424.112
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		104.602.761.875	123.728.506.948
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	104.602.761.875	123.728.506.948
220	II. Tài sản cố định		2.049.531.291.286	2.174.674.029.702
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.902.136.482.164	2.080.206.113.602
222	- Nguyên giá		4.614.526.378.313	4.602.861.746.462
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.712.389.896.149)	(2.522.655.632.860)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	147.394.809.122	94.467.916.100
228	- Nguyên giá		218.288.288.765	157.400.378.519
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(70.893.479.643)	(62.932.462.419)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.665.496.769.747	4.532.496.823.846
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	4.665.496.769.747	4.532.496.823.846
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	18.533.830.340	17.980.371.573
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.009.263.183	2.533.200.755
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		23.024.567.157	23.570.558.235
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(7.500.000.000)	(8.123.387.417)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		154.094.348.288	195.972.692.043
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	154.094.348.288	195.972.692.043
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		11.147.477.811.236	10.998.711.796.756

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.362.420.598.118	8.398.885.993.960
310	I. Nợ ngắn hạn		4.446.244.795.342	4.258.077.621.589
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	773.176.821.113	580.378.880.406
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	251.319.891.352	27.827.933.012
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	44.151.773.259	28.500.942.334
314	4. Phải trả người lao động		181.589.578.095	94.872.143.917
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	12.291.298.202	14.294.495.487
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		37.348.486	84.515.158
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	304.174.221.251	449.761.669.452
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	2.823.055.346.049	3.008.213.240.800
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	4.360.208.374	174.159.917
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		52.088.309.161	53.969.641.106
330	II. Nợ dài hạn		3.916.175.802.776	4.140.808.372.371
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	17	485.320.290.876	306.074.928.060
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	123.733.448.846	1.678.656.142
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	3.254.951.775.489	3.805.329.635.062
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	20	52.170.287.565	27.725.153.107
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.785.057.213.118	2.599.825.802.796
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	2.785.057.213.118	2.599.825.802.796
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.840.000.000.000	2.840.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.840.000.000.000	2.840.000.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(41.070.000)	(41.070.000)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	22	(114.577.135.558)	(93.990.228.076)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		29.908.837.239	29.908.837.239
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.204.117.312	(187.830.614.485)
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		(187.830.614.485)	(274.883.811.950)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		203.034.731.797	87.053.197.465
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		14.562.464.125	11.778.878.118
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		11.147.477.811.236	10.998.711.796.756



Nguyễn Thị Thủy
Người lập



Hoàng Danh Sơn
Kế toán trưởng





Hoàng Ngọc Diệp
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	8.578.490.505.555	7.900.843.435.398
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		340.326.000	1.506.562.050
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.578.150.179.555	7.899.336.873.348
11	4. Giá vốn hàng bán	25	7.872.342.211.461	7.351.327.015.327
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		705.807.968.094	548.009.858.021
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	65.288.663.545	47.801.201.424
22	7. Chi phí tài chính	27	251.318.168.763	307.524.545.747
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		250.551.599.340	262.509.485.076
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		476.062.428	177.990.853
25	9. Chi phí bán hàng	28	46.822.966.126	54.926.367.732
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	268.762.872.959	170.211.946.173
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		204.668.686.219	63.326.190.646
31	12. Thu nhập khác	30	26.197.481.470	9.268.113.454
32	13. Chi phí khác	31	20.688.907.503	12.466.684.719
40	14. Lợi nhuận khác		5.508.573.967	(3.198.571.265)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		210.177.260.186	60.127.619.381
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	4.358.942.382	-
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		205.818.317.804	60.127.619.381
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		203.034.731.797	87.053.197.465
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		2.783.586.007	(26.925.578.084)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	715	331



Nguyễn Thị Thủy
 Người lập



Hoàng Danh Sơn
 Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Diệp
 Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		210.177.260.186	60.127.619.381
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		204.881.229.911	192.419.702.436
03	- Các khoản dự phòng		31.351.779.126	(27.483.360.011)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.089.835.879)	13.710.285.416
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(61.489.719.098)	(45.438.253.090)
06	- Chi phí lãi vay		250.551.599.340	262.509.485.076
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		634.382.313.586	455.845.479.208
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(366.545.167.131)	280.185.787.597
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		158.845.768.585	(725.968.592.582)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		532.823.068.227	(594.376.787.907)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		30.027.790.370	(4.019.422.595)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(296.924.059.881)	(261.500.253.182)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	287.650.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(618.000.000)	(1.848.408.445)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		691.991.713.756	(851.394.547.906)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(36.880.856.358)	(84.209.223.386)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		11.086.039.243	945.095.628
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(1.000.000.000.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		437.507.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		48.676.985.003	33.496.400.559
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		23.319.674.888	(1.049.767.727.199)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	1.000.000.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		7.651.775.514.834	7.896.808.700.389
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(8.401.968.379.272)	(6.964.150.848.990)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(41.761.920.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(750.192.864.438)	1.890.895.931.399

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(34.881.475.794)	(10.266.343.706)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		88.953.104.467	99.200.644.873
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(160.128.311)	18.803.300
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>53.911.500.362</u>	<u>88.953.104.467</u>

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Hoàng Danh Sơn
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Diệp
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 02 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Gang Thép Thái Nguyên được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Gang Thép Thái Nguyên thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam theo Quyết định số 996/QĐ-VNS ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thép Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 2.840.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.840.000.000.000 đồng; tương đương 284.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất các sản phẩm từ kim loại; than cốc và các sản phẩm luyện cốc, các sản phẩm luyện kim, fero, vật liệu chịu lửa, vật liệu xây dựng, đất đèn, hồ điện cực, axetylen, ôxy và các loại khí công nghiệp; chế biến lương thực, thực phẩm.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Thái Trung (*)	Tuyên Quang	51,00%	51,00%	Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; khai thác, chế biến và kinh doanh lâm sản
Công ty CP Cán thép Thái Trung	Thái Nguyên	93,68%	93,68%	Cán thép

(*) Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Thái Trung được thành lập từ năm 2011, đang trong giai đoạn đầu tư với hoạt động kinh doanh chính là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. Tuy nhiên, từ năm 2014 đến nay, Công ty tạm dừng hoạt động để hoàn thiện thủ tục xin giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Luyện cán thép Gia Sàng	Thái Nguyên	39,66%	39,66%	Mua bán, sản xuất phối thép; cán, kéo thép
Công ty CP Cơ khí Gang Thép	Thái Nguyên	20,97%	20,97%	Mua bán, sản xuất gang, thép, kim loại màu và chế phẩm kim loại

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Theo Quyết định số 2968/QĐ-BCT ngày 18/07/2016 của Bộ Công Thương về việc áp dụng biện pháp tự vệ đối với ngành thép, thị trường tiêu thụ thép thương hiệu Tisco của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên được tạo điều kiện thuận lợi. Công ty đẩy mạnh tiêu thụ thép thương hiệu Tisco đồng thời giá bán tăng theo mặt bằng chung của ngành dẫn tới kết quả kinh doanh năm 2016 tăng trưởng đáng kể, khắc phục tình trạng thua lỗ năm 2015.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

11105
CÔNG TY
KIỂM HỮU
KIỂM TOÁN
TSC
1. 12. 16

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán;

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

Theo Công văn số 15172/BTC-TCDN ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính, kể từ năm 2015, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm liên quan đến Dự án đầu tư cải tạo mở rộng gang thép giai đoạn 2 được phân ánh riêng biệt lũy kế trên Bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá này được phân bổ vào doanh thu hoặc chi phí tài chính khi dự án hoàn thành, thời gian phân bổ không quá 5 năm.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong năm bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Đối với khoản phải thu khó đòi có bảo lãnh của Ngân hàng, Công ty trích lập dự phòng theo Văn bản số 15172/BTC-TCDN ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính, giữ nguyên số dự phòng đã trích lập đến 31/12/2014, không phải trích lập dự phòng bổ sung từ năm 2015 và các năm tiếp theo.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị của bán thành phẩm tồn kho cuối kỳ. Giá thành của bán thành phẩm được tập hợp và tính toán tại mỗi công đoạn sản xuất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Đối với máy móc thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm của dây chuyền 500.000 tấn/năm: Công ty CP Cán thép Thái Trung áp dụng phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm kể từ ngày 01/01/2015 căn cứ vào công văn số 19139/BTC-TCDN ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về phương pháp khấu hao của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung.

Khấu hao của các tài sản cố định còn lại được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 - 20 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 10 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Từ năm 2007, Công ty thực hiện đầu tư xây dựng Dự án "Cải tạo và mở rộng sản xuất Công ty Gang thép Thái Nguyên - giai đoạn 2", các chi phí lãi của hợp đồng vay vốn đầu tư dự án phát sinh từ năm 2007 tới năm 2016 được Công ty ghi nhận vào giá trị đầu tư dự án và được theo dõi riêng biệt với các chi phí lãi vay của hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Đối với các khoản phải trả về chi phí lãi vay được gia hạn trả nợ theo lịch trả nợ từ năm 2014 của Dự án "Cải tạo và mở rộng sản xuất Công ty Gang thép Thái Nguyên - giai đoạn 2", Công ty thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay theo thông báo hàng kỳ của ngân hàng vào giá trị đầu tư của Dự án "Cải tạo và mở rộng sản xuất Công ty Gang thép Thái Nguyên - giai đoạn 2"

Các khoản phải trả về chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định trong năm được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo căn cứ theo kế hoạch sửa chữa xây dựng từ đầu năm và được bù trừ với chi phí sửa chữa thực tế phát sinh và tập hợp trên khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang sau khi có quyết toán về đầu tư sửa chữa, xây dựng cơ bản trong năm.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	774.466.538	570.789.419
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.137.033.824	56.282.315.048
Các khoản tương đương tiền	-	32.100.000.000
	<u>53.911.500.362</u>	<u>88.953.104.467</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000.000</u>

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 3 - 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai với lãi suất tiền gửi từ 5,3 - 5,5 %/năm. Khoản tiền gửi này được hình thành từ khoản tiền thu được từ phát hành cổ phiếu riêng rẽ cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư vào Công ty liên kết

	31/12/2016				01/01/2016			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào Công ty liên kết								
- Công ty CP Luyện cán thép Gia Sàng (*)	Thái Nguyên	39,66%	39,66%	-	Thái Nguyên	39,66%	39,66%	-
- Công ty CP Cơ khí Gang thép (**)	Thái Nguyên	20,97%	20,97%	3.009.263.183	Thái Nguyên	20,97%	20,97%	2.533.200.755
				3.009.263.183				2.533.200.755

(*) Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào Công ty CP Luyện cán thép Gia Sàng được xác định theo Phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên Báo cáo tài chính của Công ty liên kết tại thời điểm lập Báo cáo tài chính 31/12/2012. Từ ngày 01/01/2013, Công ty CP Luyện Cán thép Gia Sàng đã tạm ngừng hoạt động.

(**) Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào Công ty CP Cơ khí Gang thép được xác định theo Phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên Báo cáo tài chính của Công ty CP Cơ khí gang thép tại 31/12/2016 đã được kiểm toán.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	23.024.567.157	(7.500.000.000)	23.570.558.235	(8.123.387.417)
- Công ty CP Tập đoàn Vật liệu chịu lửa	3.423.387.421	-	3.423.387.421	-
- Công ty CP Vận tải Gang thép Thái Nguyên	1.527.714.510	-	1.527.714.510	-
- Công ty CP Sửa chữa Ô tô Gang Thép	-	-	545.991.078	(507.000.000)
- Công ty CP Hợp kim Sắt Gang thép Thái Nguyên	844.433.611	-	844.433.611	(116.387.417)
- Công ty TNHH Nasteelvina	9.729.031.615	-	9.729.031.615	-
- Công ty CP Hợp kim sắt Phú Thọ	7.500.000.000	(7.500.000.000)	7.500.000.000	(7.500.000.000)
	23.024.567.157	(7.500.000.000)	23.570.558.235	(8.123.387.417)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác (tiếp)

Thông tin chi tiết về các công ty khác vào ngày 31/12/2016 như sau:

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Tập đoàn Vật liệu chịu lửa	P. Cam giá - Thái Nguyên	5,52%	5,52%	Sản xuất sản phẩm chịu lửa...
Công ty CP Vận tải Gang thép Thái Nguyên	P. Cam giá - Thái Nguyên	10,32%	10,32%	Vận tải hàng hóa, buôn bán kim loại, phụ tùng ô tô, khai thác quặng sắt...
Công ty CP Hợp kim Sắt Gang thép Thái nguyên	P. Cam giá - Thái Nguyên	6,47%	6,47%	Khai thác quặng kim loại, quặng sắt, bán buôn hợp kim sắt, kim loại, quặng kim loại...
Công ty TNHH Nasteelvina	P. Cam giá - Thái Nguyên	6,80%	6,80%	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sắt thép
Công ty CP Hợp kim sắt Phú Thọ	H. Thanh Sơn - Phú Thọ	16,30%	16,30%	Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, hợp kim sắt, gang thép các loại

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH Lương Thổ	102.209.664.401	102.209.664.401
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Nam	127.372.235.803	127.372.235.803
- Công ty TNHH Thương mại & Du lịch Trung Dũng	251.899.841.715	251.899.841.715
- Công ty TNHH Hồng Trang	74.675.235.824	74.675.235.824
- Công ty CP Thương mại Thái Hưng	181.802.198.250	3.415.136.176
- Các khoản phải thu khách hàng khác	87.450.071.552	77.249.704.574
	<u>825.409.247.545</u>	<u>636.821.818.493</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>8.101.505.240</u>	<u>8.985.899.216</u>
<i>Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38</i>		

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP thương mại Thái Hưng (*)	218.479.529.650	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	24.562.498.141	-	25.214.982.446	-
	<u>243.042.027.791</u>	<u>-</u>	<u>25.214.982.446</u>	<u>-</u>

(*) Theo điều khoản hợp đồng mua bán phôi thép số 10.12.2016 ngày 10/12/2016 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng và Công ty con của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên là Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung, Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng sẽ thực hiện bán cho Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung 50.000 tấn phôi +/-10%). Theo đó, Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung phải thực hiện ứng trước số tiền 295.350.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng theo cam kết trong hợp đồng.

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.535.993.772	-	11.026.000.000	-
- Tạm ứng	891.100.994	-	1.143.837.093	-
- Ký cược, ký quỹ	1.190.000	-	-	-
- Phải thu của người lao động về bảo hiểm các loại	576.432.176	-	646.448.380	-
- Các khoản phải thu của bảo hiểm	231.966.370	-	881.181.369	-
- Thuế TNCN tạm trích	96.974.267	-	61.563.115	-
- Tiền phạt và phải thu về thép phế nhập khẩu thiếu, không đảm bảo chất lượng	56.772.428.148	(51.722.331.099)	56.904.603.787	(35.952.848.842)
- Tiền hàng thiếu của các cá nhân Chi nhánh Quảng Ninh	1.043.993.558	(1.043.993.558)	1.147.993.581	(1.043.993.558)
- Phải thu tiền hàng thiếu quy trách nhiệm cá nhân Mô sắt Tuyên Quang	-	-	5.570.087.900	(749.000.000)
- Phải thu tiền hàng thiếu - Nguyễn Văn Việt - Chi nhánh Thanh Hóa	-	-	1.434.403.815	(1.434.403.815)
- Ăn ca + bồi dưỡng độc hại	225.870.526	-	281.262.857	-
- Lệ phí trọng tài quốc tế	602.477.273	-	968.148.799	-
- Tiền án phí	432.200.000	-	432.200.000	-
- Phải thu Quỹ văn hóa doanh nghiệp	8.200.000	-	8.700.000	-
- Thỏa ước lao động chi quá	-	-	171.515.401	-
- Phải thu Công ty CP Ô tô Vinamotor về tiền thuế TNDN bán bất động sản	920.696.135	-	-	-
- Phải thu bã thải Công ty TNHH Đại Long Giang	306.625.150	-	-	-
- Phải thu UBND huyện Đông Hỷ về tiền sử dụng đất tái định cư Mô Trại Cau	8.583.028.500	-	-	-
- Phải thu về chi phí đầu tư dây truyền cán thép 50 vạn tấn/năm	32.862.499.387	-	32.862.499.387	-
- Phải thu khác	1.915.307.897	-	1.405.019.193	-
	124.006.984.153	(52.766.324.657)	114.945.464.677	(39.180.246.215)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	20.342.817.476	-	15.771.717.317	-
- Giá trị lợi thế vị trí địa lý khấu trừ với tiền thuê đất hàng năm	84.259.944.399	-	107.956.789.631	-
	104.602.761.875	-	123.728.506.948	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	654.965.369.111	359.992.209.847	669.671.015.424	388.821.688.107
- Công ty TNHH Lương Thỏ	102.209.664.401	24.184.521.074	102.209.664.401	24.184.521.074
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Nam	127.372.235.803	45.731.116.878	127.372.235.803	45.731.116.878
- Công ty TNHH Thương mại & Du lịch Trung Dũng	251.899.841.715	251.899.841.715	251.899.841.715	251.899.841.715
- Công ty TNHH Hồng Trang	74.675.235.824	24.675.235.824	74.675.235.824	24.675.235.824
- Các khoản khác	98.808.391.368	13.501.494.356	113.514.037.681	42.330.972.616
Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm ... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu	201.030.859.458	-	201.030.859.458	-

(*) Toàn bộ số tiền 201.030.859.458 đồng là tiền lãi chậm trả tương ứng với khoản công nợ khó đòi của các đối tượng nêu trên. Lãi chậm trả của các khoản phải thu quá hạn thanh toán theo hợp đồng được ghi tăng khoản mục phải thu khách hàng và phải trả khác trên Bảng cân đối kế toán theo điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước năm 2013. (Xem thuyết minh số 18).

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.418.428.135.490	-	1.290.083.169.096	-
Công cụ, dụng cụ	12.775.894.163	-	12.248.684.496	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.329.241.848	-	316.453.383.188	-
Thành phẩm	736.066.546.830	(795.828.335)	710.361.406.470	(11.575.676.654)
Hàng hoá	310.391.342	-	609.335.008	-
	2.170.910.209.673	(795.828.335)	2.329.755.978.258	(11.575.676.654)

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4.664.265.267.247	4.532.496.823.846
- Dự án cải tạo Gang thép giai đoạn II (*)	4.635.557.956.342	4.438.108.177.764
- Dự án mở rộng tầng sâu núi Quặng	1.862.970.324	69.853.206.236
- Dự án đầu tư cải tạo, mở rộng bãi thải M3	-	10.760.003.806
- Dự án đầu tư xây dựng Công trình khai thác than mở hầm lò khu Nam Làng Cầm	-	3.424.659.339
- Đường lò tuyến 9-12	12.417.445.963	3.757.654.378
- Khai thác thăm dò tuyến 12-15 Phần mẽ	3.958.932.702	-
- Công trình khác	10.467.961.916	6.593.122.323
Mua sắm tài sản cố định	1.231.502.500	-
	<u>4.665.496.769.747</u>	<u>4.532.496.823.846</u>

(*) Công ty CP Gang thép Thái Nguyên đang triển khai Dự án "Cải tạo và mở rộng sản xuất Công ty Gang thép Thái Nguyên - giai đoạn 2" với tổng chi phí đầu tư toàn dự án theo dự toán ban đầu là 3.843,67 tỷ đồng và theo dự toán điều chỉnh đã được phê duyệt tổng mức đầu tư mới của dự án là 8.104,91 tỷ đồng. Theo hợp đồng đã ký kết với nhà thầu chính Công ty China Metallurgical Group Corporation (MCC) số 01#EPC/TISCO-MCC ngày 12/07/2007. Đến thời điểm 31/12/2016, tổng giá trị đầu tư của dự án đã thực hiện là 4.635,5 tỷ đồng, trong đó chi phí lãi vay được vốn hóa là 1.435,4 tỷ đồng, chi phí phát sinh chủ yếu trong năm 2016 là chi phí lãi vay vốn hóa và tiền lương Ban quản lý dự án. Tới thời điểm 31/12/2016, Thủ tướng Chính phủ đang chỉ đạo Bộ Công Thương nghiên cứu các phương án tái cơ cấu lại quá trình đầu tư Dự án "Cải tạo và mở rộng sản xuất Công ty Gang thép Thái Nguyên - giai đoạn 2".

3-C
 PHAN
 QUẢN
 HÀ N

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.157.125.778.671	2.678.841.218.713	546.952.903.247	10.185.257.339	209.756.588.492	4.602.861.746.462
- Mua trong năm	49.341.799	1.125.000.000	523.279.362	561.638.000	427.200.000	2.686.459.161
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.183.454.207	5.277.245.319	9.027.661.629	-	-	17.488.361.155
- Phân loại lại tài sản	(33.562.321)	(29.995.361.808)	30.028.924.129	39.490.000	(39.490.000)	-
- Tăng khác	96.969.003	-	-	-	-	96.969.003
- Thanh lý, nhượng bán	(6.646.157.468)	(1.875.000.000)	-	-	-	(8.521.157.468)
- Giám đo điều chỉnh giá trị quyết toán	-	-	(86.000.000)	-	-	(86.000.000)
Số dư cuối năm	1.153.775.823.891	2.653.373.102.224	586.446.768.367	10.786.385.339	210.144.298.492	4.614.526.378.313
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	658.905.147.549	1.375.735.173.900	335.590.729.997	9.070.181.908	143.354.399.506	2.522.655.632.860
- Khấu hao trong kỳ	36.811.763.500	133.345.071.705	18.008.742.894	451.534.562	9.566.431.971	198.183.544.632
- Phân loại lại tài sản	(33.562.321)	(25.146.319.440)	25.179.881.761	39.490.000	(39.490.000)	-
- Thanh lý, nhượng bán	(6.574.281.343)	(1.875.000.000)	-	-	-	(8.449.281.343)
Số dư cuối năm	689.109.067.385	1.482.058.926.165	378.779.354.652	9.561.206.470	152.881.341.477	2.712.389.896.149
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	498.220.631.122	1.303.106.044.813	211.362.173.250	1.115.075.431	66.402.188.986	2.080.206.113.602
Tại ngày cuối năm	464.666.756.506	1.171.314.176.059	207.667.413.715	1.225.178.869	57.262.957.015	1.902.136.482.164

Trong đó:

- Hao mòn TSCĐ hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh là: 1.263.331.945 đồng.
- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.363.910.769.345 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 738.963.594.612 đồng.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	44.163.355.440	1.223.471.997	112.013.551.082	157.400.378.519
- Mua trong năm	-	1.717.000.000	-	1.717.000.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	59.170.910.246	59.170.910.246
Số dư cuối năm	44.163.355.440	2.940.471.997	171.184.461.328	218.288.288.765
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	72.473.040	788.623.173	62.071.366.206	62.932.462.419
- Khấu hao trong năm	-	541.185.945	7.419.831.279	7.961.017.224
Số dư cuối năm	72.473.040	1.329.809.118	69.491.197.485	70.893.479.643
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	44.090.882.400	434.848.824	49.942.184.876	94.467.916.100
Tại ngày cuối năm	44.090.882.400	1.610.662.879	101.693.263.843	147.394.809.122

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm: Quyền sử dụng đất không thời hạn của 04 lô đất tại Hà Nội, Đà Nẵng, Quảng Ninh và Thái Nguyên; Quyền sử dụng đất có thời hạn của 01 lô đất tại Cao Bằng với thời hạn 10 năm. Tất cả các lô đất trên đều được sử dụng phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.148.467.569	999.855.769
Chi phí bóc đất đá	20.189.963.325	15.870.368.258
Chi phí bảo hiểm	1.639.118.680	1.692.512.655
Giá trị vật tư thiết bị phân bổ	3.435.430.740	804.015.429
Chi phí sửa chữa lớn	2.844.580.593	1.582.087.326
Chi phí bồi thường và đền bù	3.562.288.666	-
Chi phí biển quảng cáo	261.458.330	312.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	30.084.919	-
	33.111.392.822	21.260.839.437
b) Dài hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	269.116.493	307.842.032
Công cụ dụng cụ xuất dùng	14.837.626.563	22.596.954.764
Phụ tùng bị kiện cán thép	63.466.493.466	66.967.881.039
Giá trị thương hiệu	13.256.227.682	18.558.718.790
Chi phí biển quảng cáo	3.247.037.501	2.870.705.879
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	10.796.820.186	33.562.473.722
Chi phí bồi thường trượt lở bãi thải tại mỏ than Phần Mễ	5.400.000.000	2.549.183.649
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng mỏ Tiến Bộ	33.563.780.429	31.860.909.250
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	5.055.811.406
Chi phí bảo dưỡng thiết bị	175.944.053	1.154.991.550
Chi phí lập phương án khai thác tuyến 9-12 Phần Mễ	2.568.494.504	-
Chi phí chuyển giao công nghệ	1.247.809.944	2.495.619.888
Chi phí thành lập doanh nghiệp trước hoạt động	3.253.004.997	3.253.004.997
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.011.992.470	4.738.595.077
	154.094.348.288	195.972.692.043

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Tập đoàn luyện kim TQ MCC	119.864.795.841	119.864.795.841	118.601.953.392	118.601.953.392
Công ty CP Thương mại Thái Hưng	171.142.540.882	171.142.540.882	4.552.212.500	4.552.212.500
Phải trả các đối tượng khác	482.169.484.390	482.169.484.390	457.224.714.514	457.224.714.514
	<u>773.176.821.113</u>	<u>773.176.821.113</u>	<u>580.378.880.406</u>	<u>580.378.880.406</u>
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)				
	<u>32.668.932.140</u>	<u>32.668.932.140</u>	<u>1.376.402.434</u>	<u>1.376.402.434</u>

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP Thép Việt Ý (*)	235.444.306.020	-
Người mua trả tiền trước khác	15.875.585.332	27.827.933.012
	<u>251.319.891.352</u>	<u>27.827.933.012</u>

(*) Theo hợp đồng mua bán thép số 1512/HĐMB/2016/TTr-VIS giữa Công ty Cổ phần Thép Việt Ý và Công ty con của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên là Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung, Công ty Cổ phần Thép Thái Trung sẽ bán cho đối tác 50.000 tấn (+/-10%), theo đó, Công ty Cổ phần Thép Việt Ý thực hiện đặt cọc trước số tiền 336.600.000.000 đồng theo điều khoản hợp đồng trước ngày 25/12/2016.

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.905.970.165	163.767.632.596	140.774.049.069	-	24.899.553.692
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	1.000.157.986	1.000.157.986	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	361.664.842	-	4.358.942.382	-	-	3.997.277.540
Thuế Thu nhập cá nhân	122.092.012	46.241.714	548.896.846	549.794.272	124.517.326	47.769.602
Thuế Tài nguyên	-	18.269.806.617	81.169.400.014	90.417.471.584	-	9.021.735.047
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	3.856.553.963	432.708.824	13.378.948.194	8.543.520.188	50.791.678	1.462.374.545
Thuế bảo vệ môi trường	-	466.789.940	1.745.052.900	2.002.916.140	-	208.926.700
Các loại thuế khác	-	-	38.000.000	38.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.379.425.074	48.954.843.106	51.820.132.047	-	4.514.136.133
	4.340.310.817	28.500.942.334	314.961.874.024	295.146.041.286	175.309.004	44.151.773.259

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	3.806.668.267	5.269.833.420
- Trích trước tiền điện	7.422.439.882	8.040.549.440
- Trích trước bồi dưỡng hiện vật	443.390.377	405.524.174
- Trích trước chi phí kiểm toán	325.000.000	-
- Chi phí thẩm tra dự án đầu tư đầu tư xây dựng cơ bản	235.954.364	491.330.000
- Chi phí phải trả khác	57.845.312	87.258.453
	12.291.298.202	14.294.495.487
b) Dài hạn		
- Chi phí lãi vay Dự án "Cải tạo và mở rộng sản xuất Công ty Gang thép Thái Nguyên - giai đoạn 2"	485.320.290.876	306.074.928.060
	485.320.290.876	306.074.928.060

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	1.157.458.729	238.106.342
- Bảo hiểm xã hội	335.591.482	96.825.317
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	97.500.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	188.180.000	188.180.000
- Phải trả Ngân hàng về lãi vay khoản vay đầu tư dài hạn dự án trong năm 2017 (1)	44.909.295.388	222.300.011.161
- Quỹ thoả ước lao động tập thể	5.740.007.716	3.530.925.063
- Tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.525.838.000	2.488.548.346
- Quỹ xã hội từ thiện + VHXXH	106.165.793	273.788.403
- Quy trách nhiệm tiền hàng thiếu	773.362.315	732.038.145
- Thuế TNDN nhà thầu	168.572.834	168.572.834
- Phải trả UBND tỉnh Thái Nguyên giá trị Hồ Bàn Cờ (2)	10.188.115.550	10.188.115.550
- Tiền ăn ca, bồi dưỡng	568.931.409	603.712.527
- Thu tiền khu tái định cư	607.500.000	496.570.000
- Đối ứng Lãi chậm trả phải thu Công ty đã ghi nhận (3)	5.501.682.435	5.501.682.435
- Đối ứng Lãi chậm trả phải thu theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước (3)	195.529.177.023	195.529.177.023
- Phải trả về lãi chậm thanh toán	6.934.340.244	6.135.072.055
- Tiền đặt cọc đấu thầu	120.000.000	-
- Thuế thu nhập các nhân phải trả	202.489.294	-
- Phải thu BHXH chưa quyết toán	51.534.084	-
- Chiết khấu thương mại phải trả đại lý	27.371.593.060	-
- Phải trả Chi nhánh Hợp tác xã vận tải Ô tô Tân Phú về tiền đặt cọc và tiền lãi khoản ký cược	910.753.475	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.186.132.420	1.290.344.251
	304.174.221.251	449.761.669.452

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	442.805.820	1.678.656.142
- Phải trả Ngân hàng về lãi vay khoản vay đầu tư dài hạn dự án từ năm 2018 đến năm 2020 (1)	123.290.643.026	-
	<u>123.733.448.846</u>	<u>1.678.656.142</u>

(1) Theo biên bản hợp giữa các ngân hàng đồng tài trợ với Chủ đầu tư là Công ty con - Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung và theo Thông báo tiền lãi vay cơ cấu nợ chính thức ngày 31/12/2016, Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung phải trả tiền lãi 168.199.938.414 đồng cho giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2020, trong đó lãi vay phải trả năm 2017 là 44.909.295.388 đồng. Toàn bộ lãi vay nêu trên là chi phí lãi vay phát sinh trực tiếp từ vốn vay của Hợp đồng số 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009 để đầu tư Dự án dây chuyền cán thép 50 vạn tấn/năm tại Công ty con.

(2) Giá trị đầu tư Hồ Cửa làng và Hồ Bàn cờ nhận bàn giao từ UBND tỉnh Thái Nguyên để quản lý và khai thác.

(3) Lãi chậm trả của các khoản phải thu quá hạn thanh toán theo hợp đồng ghi tăng khoản mục phải thu khách hàng và phải trả khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. (Xem thuyết minh số 8)

19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngân hàng	2.798.427.726.057	2.798.427.726.057	7.646.806.874.695	8.193.139.721.129	2.252.094.879.623	2.252.094.879.623
- Vay cá nhân	1.767.793.000	1.767.793.000	74.867.000	1.842.660.000	-	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	208.017.721.743	208.017.721.743	570.962.572.826	208.019.828.143	570.960.466.426	570.960.466.426
	3.008.213.240.800	3.008.213.240.800	8.217.844.314.521	8.403.002.209.272	2.823.055.346.049	2.823.055.346.049
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	4.013.347.356.805	4.013.347.356.805	37.760.404.720	225.195.519.610	3.825.912.241.915	3.825.912.241.915
	4.013.347.356.805	4.013.347.356.805	37.760.404.720	225.195.519.610	3.825.912.241.915	3.825.912.241.915
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(208.017.721.743)	(208.017.721.743)	(570.962.572.826)	(208.019.828.143)	(570.960.466.426)	(570.960.466.426)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	3.805.329.635.062	3.805.329.635.062			3.254.951.775.489	3.254.951.775.489

Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại 31/12/2016

STT	Số hợp đồng	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hạn mức vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2016 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên						
	01/2015/469084/HĐTD ngày 03/08/2015	7,0%	05 tháng	900.000.000.000 VND	779.466.198.188	Phục vụ sản xuất	Thế chấp tài sản
	48/2016/2573181/HĐTD	8,7%	9 tháng	1.228.715.264 VND	1.228.715.264	Phục vụ sản xuất	Tín chấp
	49/2016/2573181/HĐTD	8,7%	9 tháng	640.651.000 VND	640.651.000	Phục vụ sản xuất	Tín chấp
	50/2016/2573181/HĐTD	8,7%	9 tháng	7.628.600.301 VND	7.628.600.301	Phục vụ sản xuất	Tín chấp
	51/2016/2573181/HĐTD	8,7%	9 tháng	10.631.421.159 VND	10.631.421.159	Phục vụ sản xuất	Tín chấp
	52/2016/2573181/HĐTD	8,7%	9 tháng	1.619.577.837 VND	1.619.577.837	Phục vụ sản xuất	Tín chấp
	53/2016/2573181/HĐTD	8,7%	9 tháng	57.643.133.971 VND	57.643.133.971	Phục vụ sản xuất	Tín chấp
	54/2016/2573181/HĐTD	7,7%	6 tháng	80.000.000.000 VND	80.000.000.000	Phục vụ sản xuất	Tín chấp
	55/2016/2573181/HĐTD	8,7%	9 tháng	8.410.688.122 VND	8.410.688.122	Phục vụ sản xuất	Tín chấp
2	Ngân hàng TMCP đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội						
	Số 270/2016/Tisco/HĐHMTD/PVB-HAN	7,7%	06 tháng	300.000.000.000 VND	105.349.619.105	Phục vụ sản xuất	Thế chấp tài sản
3	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lưu Xá						
	Số 01/2016-HĐTDHM/NHCT224-GANGTHEP	7,0%	05 tháng	700.000.000.000 VND	667.992.273.713	Phục vụ sản xuất	Một phần thế chấp
4	Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Nguyên						
	24761.16.090.454254.TD ngày 29/06/2016	7,0%	06 tháng	350.000.000.000 VND	348.545.191.225	Phục vụ sản xuất	Thế chấp tài sản
5	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên						
	01/2015-HĐTDHM/NHCT220-TISCO ngày 27/07/2015	7,0%	05 tháng	200.000.000.000 VND	182.938.809.738	Phục vụ sản xuất	Thế chấp tài sản
	Tổng cộng				2.252.094.879.623		

Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn tại 31/12/2016

Ngân hàng - Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Mục đích khoản vay	Thời hạn vay (tháng)	Lãi suất vay (năm)	Loại tiền vay	Dư nợ gốc vay dài hạn đến 31/12/2016		Nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2017		Phương thức đảm bảo
						Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên										
390-82-000-524-478	15/06/2011	Tăng sâu núi quặng	60	10,50%	VND		26.496.126.523		21.200.000.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
390-82-000-645-953	15/08/2014	Góp vốn điều lệ tại Công ty CP Cán thép Thái Trung	60	10,50%	VND		128.483.452.306		46.721.255.390	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Nguyên										
MB1636350310	28/12/2016	Đồng hồ đo lưu lượng ô xy - XN năng lượng	48	9,40%	VND		299.750.000		74.937.500	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
MB1636303460	28/12/2016	Máy nén khí nhà máy luyện thép	48	9,40%	VND		510.400.000		127.600.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
MB1635535441	20/12/2016	Hệ thống máy chủ và tường lửa	48	9,40%	VND		367.000.000		91.750.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
102.13.090.454254	22/08/2013	04 máy thổi cách ly W-70: Phần Mẽ	48	11,40%	VND		39.468.000		39.468.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
120.14.090.454254	03/06/2014	DA Lò tinh luyện 40T - NM Luyện thép	60	13,60%	VND		4.498.500.000		1.799.400.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
102.13.090.454254	04/07/2014	Máy cắt SF6 cao áp - XN Năng Lượng	48	12,20%	VND		269.500.000		154.000.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
102.13.090.454254	30/09/2014	02 Máy điều hòa LG - N/m Luyện thép	48	12,50%	VND		28.000.000		16.000.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
102.13.090.454254	25/11/2014	Máy nghiền hàm - Mô sắt Trại cau	45	12,20%	VND		196.000.000		98.000.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
102.13.090.454254	22/08/2013	Máy nén khí - XN Năng Lượng	48	10,20%	VND		327.800.000		163.900.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
120.14.090.454254.TD	04/07/2014	DA Lò LF - Nm Luyện thép	60	12,50%	VND		221.650.000		80.600.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng Phát triển khu vực Bắc kạn - Chi nhánh Thái Nguyên										
01/2008/PL.HĐ	24/01/2008	Đầu tư cải tạo mở rộng Gang thép Giai đoạn I.	240	0,00%	USD	4.594.800	101.816.173.200	1.531.600	33.938.724.400	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay



Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn tại 31/12/2016

Ngân hàng - Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Mục đích khoản vay	Thời hạn vay (tháng)	Lãi suất vay (năm)	Loại tiền vay	Dư nợ gốc vay dài hạn đến 31/12/2016		Nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2017		Phương thức đảm bảo
						Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
Ngân hàng Phát triển khu vực Bắc Kạn - Chi nhánh Thái Nguyên										
HĐ số 21/2006/HĐTD ngày 13/05/2006	13/05/2006	Vay vốn để thực hiện dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 - Công ty Gang thép Thái Nguyên	180	7,8%-9,6%	VND		1.163.517.386.731		138.744.000.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội										
HĐ số 01/2010/HĐTD-TISCO ngày 25/01/2010	25/01/2010	Vay vốn để thực hiện dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 - Công ty Gang thép Thái Nguyên	174	5,50%	USD	72.175.392	1.644.155.432.950	8.019.488	182.683.936.994	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
HĐ số 01/2010/HĐTD-TISCO ngày 25/01/2010	25/01/2010	Vay vốn để thực hiện dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 - Công ty Gang thép Thái Nguyên	174	9,50%	VND		225.242.047.278		25.026.894.142	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên										
HĐ số 01/15/469084/HĐTD ngày 16/09/2015	16/09/2015	Vay vốn để thực hiện dự án đầu tư cải tạo mở rộng công trình khai thác than mở hầm lò mức 0-200 từ tuyến IX-XII Khu Nam Lăng Cẩm - Mỏ than Phần Mễ	96	10,50%	VND		220.267.870			Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Thái Nguyên										
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009	11/06/2009	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	132	10,20%			230.582.576.210		52.284.000.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Tuyên Quang										
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009	11/06/2009	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	132	10,20%			104.204.068.697		23.628.000.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Đông Đô (HN)										
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009	11/06/2009	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	132	10,20%			69.434.097.579		15.744.000.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân Hàng NN&PT Nông thôn Chi nhánh Thái Nguyên										
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009	11/06/2009	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	132	10,20%			55.568.446.993		12.600.000.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Lưu xá (TN)										
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009	11/06/2009	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	132	10,20%			34.717.048.789		7.872.000.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thái Nguyên										
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009	11/06/2009	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	132	10,20%			34.717.048.789		7.872.000.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
						Tổng cộng	3.825.912.241.915		570.960.466.426	

20 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí chấm dứt hợp đồng lao động	4.360.208.374	174.159.917
	<u>4.360.208.374</u>	<u>174.159.917</u>
b) Dài hạn		
- Chi phí phục hồi môi trường	18.966.473.769	7.840.359.563
- Chi phí sử dụng tài liệu địa chất	4.818.095.299	1.277.314.900
- Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	28.385.718.497	18.607.478.644
	<u>52.170.287.565</u>	<u>27.725.153.107</u>



21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.840.000.000.000	(41.070.000)	(9.989.699.091)	29.908.837.239	(196.236.432.093)	73.932.316.678	1.737.573.952.733
Tăng vốn trong năm trước (*)	1.000.000.000.000	-	-	-	-	-	1.000.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	87.053.197.465	(26.925.578.084)	60.127.619.381
Chênh lệch tỷ giá dự án đầu tư tại Công ty mẹ	-	-	(93.990.228.076)	-	-	-	(93.990.228.076)
Chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào KQKD tại Công ty con	-	-	9.989.699.091	-	-	-	9.989.699.091
Giảm khác	-	-	-	-	(78.647.379.857)	(35.227.860.476)	(113.875.240.333)
Số dư cuối năm trước	2.840.000.000.000	(41.070.000)	(93.990.228.076)	29.908.837.239	(187.830.614.485)	11.778.878.118	2.599.825.802.796
Số dư đầu năm nay	2.840.000.000.000	(41.070.000)	(93.990.228.076)	29.908.837.239	(187.830.614.485)	11.778.878.118	2.599.825.802.796
Lãi trong năm này	-	-	-	-	203.034.731.797	2.783.586.007	205.818.317.804
Chênh lệch tỷ giá dự án đầu tư tại Công ty mẹ	-	-	(20.586.907.482)	-	-	-	(20.586.907.482)
Số dư cuối năm này	2.840.000.000.000	(41.070.000)	(114.577.135.558)	29.908.837.239	15.204.117.312	14.562.464.125	2.785.057.213.118

(*) Trong năm 2015, Công ty phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Tổng Công ty Quản lý vốn Nhà nước (SCIC) 1.000 tỷ đồng với mục đích để tăng nguồn vốn cho hoạt động đầu tư dự án mở rộng và cải tạo gang thép giai đoạn 2. Do trong năm không phát sinh việc thanh toán cho dự án này nên số vốn trên vẫn chưa được sử dụng để thanh toán cho dự án và đang được Công ty gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Thép Việt Nam	1.196.000.000.000	42,113%	1.196.000.000.000	42,113%
Tổng Công ty Quản lý vốn Nhà nước (SCIC)	1.000.000.000.000	35,211%	1.000.000.000.000	35,211%
Công ty TNHH TM & DV Trung Dũng	-	0,000%	321.000.000.000	11,303%
Các cổ đông khác	643.889.000.000	22,672%	322.889.000.000	11,369%
Cổ phiếu quỹ	111.000.000	0,004%	111.000.000	0,004%
	2.840.000.000.000	100%	2.840.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.840.000.000.000	2.840.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	2.840.000.000.000	1.840.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	1.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	2.840.000.000.000	2.840.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	284.000.000	284.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	284.000.000	284.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	284.000.000	284.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	11.100	11.100
- Cổ phiếu phổ thông	11.100	11.100
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	283.988.900	283.988.900
- Cổ phiếu phổ thông	283.988.900	283.988.900
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	29.908.837.239	29.908.837.239
	29.908.837.239	29.908.837.239

22 . CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	(93.990.228.076)	(9.989.699.091)
Số tăng trong năm	-	9.989.699.091
- Xử lý hạch toán theo hướng dẫn Thông tư 200	-	9.989.699.091
Số giảm trong năm	(20.586.907.482)	(93.990.228.076)
- Lãi chênh lệch tỷ giá của Dự án (*)	(20.586.907.482)	(93.990.228.076)
Số dư cuối năm	(114.577.135.558)	(93.990.228.076)
	(114.577.135.558)	(93.990.228.076)

Theo Công văn số 15172/BTC-TCĐN ngày 26/10/2015, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm của Dự án Mở rộng, cải tạo Gang thép giai đoạn 2 được phản ánh lũy kế riêng biệt trên Bảng cân đối kế toán, khi dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng thì toàn bộ chênh lệch tỷ giá được phân bổ dần vào doanh thu hoặc chi phí tài chính, thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động.

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	5.838,29	45.106,62
- Đồng Euro (EUR)	75,03	106,00

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
	4.033.133.561	2.598.729.746

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	8.578.490.505.555	7.900.843.435.398
	8.578.490.505.555	7.900.843.435.398
Doanh thu đối với các bên liên quan	42.426.582.778	12.758.074.603
<i>Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38</i>		

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	7.883.122.059.780	7.347.216.860.300
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.779.848.319)	4.110.155.027
	7.872.342.211.461	7.351.327.015.327

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	55.910.682.615	43.982.478.559
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	8.011.848.891	1.904.946.533
Cổ tức, lợi nhuận được chia	276.296.160	539.922.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	1.373.854.332
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.089.835.879	-
	65.288.663.545	47.801.201.424

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	250.551.599.340	262.509.485.076
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	108.484.078	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	44.722.643	89.680.194
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	13.710.285.416
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(623.387.417)	5.102.195.617
Lãi tài khoản ký quỹ của khách hàng	-	1.431.206.459
Lãi trả chậm khách hàng	1.231.897.621	10.075.092.286
Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư	-	14.545.667.896
Chi phí tài chính khác	4.852.498	60.932.803
	251.318.168.763	307.524.545.747

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.478.526.263	3.481.196.275
Chi phí nhân công	14.767.734.325	17.511.169.314
Chi phí khấu hao tài sản cố định	246.997.529	215.621.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.420.208.202	10.019.279.958
Chi phí khác bằng tiền	23.909.499.807	23.699.100.881
	46.822.966.126	54.926.367.732

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.793.904.605	13.329.170.172
Chi phí nhân công	111.841.115.723	95.299.021.582
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.560.484.303	11.792.791.101
Thuế, phí, lệ phí	29.407.773.259	14.761.101.501
Hoàn nhập dự phòng/trích lập dự phòng	16.307.235.762	(47.954.421.749)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.224.925.321	8.460.536.267
Chi phí khác bằng tiền	74.627.433.986	74.523.747.299
	268.762.872.959	170.211.946.173

30 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	273.526.755	915.852.531
Vật tư thanh lý nhập kho	654.500.000	64.325.390
Tiền phạt, bồi thường thu được	2.042.109.238	229.450.500
Giá trị thu hồi tài sản thanh lý	821.571.731	1.623.145.206
Phí thực tập	125.620.909	206.690.000
Cho thuê mặt bằng, kho bãi	352.367.389	415.518.891
Công suất phản kháng	399.943.141	871.547.309
Bán vật tư thu hồi	9.322.910	181.500.000
Chuyển nhượng Nhà kho 3 mái cho Công ty CP Ô tô Vinamotor	10.740.636.363	-
Bán bột quặng	455.299.650	1.462.496.850
Bán đất lẫn than	-	2.603.800.000
Phí bảo vệ môi trường được hoàn	-	424.156.160
Bán xỉ bùn thu hồi	304.800.000	-
Cầu phôi thép	276.083.692	-
Thu nhập từ giảm lãi vay ân hạn	9.190.777.359	-
Cắt mẫu phôi thử nghiệm cơ tính	41.643.543	-
Thu nhập khác	509.278.790	269.630.617
	26.197.481.470	9.268.113.454

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt	419.477.342	1.820.625.522
Chi phí hướng dẫn học sinh thực tập	103.642.500	159.195.000
Chi phí hoạt động của khách sạn tại Cửa Lò	-	193.489.533
Truy thu thuế, phí môi trường	264.516.480	1.431.982.910
Chi phí xử lý mê xi gang thép	-	3.946.430.800
Khấu hao không được tính thuế	35.904.276	40.316.484
Thuế xuất nhập khẩu nộp bổ sung các năm trước	-	4.447.384.167
Chi phí thuê lò sinh khí than	971.746.775	-
Xử lý vật tư, hàng hóa thiếu hụt Mỏ sắt và cán thép Tuyên Quang (*)	11.746.571.340	-
Chi phí thuê tài sản	131.495.284	-
Chi phí hoạt động chuyển nhượng Nhà kho 3 mái	6.079.001.145	-
Chi phí thu gom phế liệu đầu mẩu	86.990.550	-
Chi phí hút bùn xi bết lắng	103.593.644	-
Chi phí cầu phôi thép	276.083.692	-
Chi phí cắt mẫu phôi thử nghiệm cơ tính	27.472.189	-
Chi phí khác	442.412.286	427.260.303
	20.688.907.503	12.466.684.719

(*) Căn cứ theo Biên bản họp số 830/BB-GTTN ngày 29/12/2016 và Quyết định số 1325/QĐ-GTTN ngày 30/12/2016 về xử lý tài chính đối với khoản thiếu hụt kho vật tư, hàng hóa tại Mỏ sắt và cán thép Tuyên Quang, Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên xác định trách nhiệm các cá nhân và thu hồi một phần tổn thất theo kết luận của cơ quan điều tra. Giá trị vật tư và hàng hóa thiếu còn lại là 11.746.571.340 đồng được Công ty xác định là tổn thất không thể thu hồi và ghi nhận vào chi phí khác trong năm 2016.

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	4.358.942.382	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Thái Trung	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.358.942.382	-

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	203.034.731.797	87.053.197.465
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	203.034.731.797	87.053.197.465
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	283.988.900	263.109.779
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	715	331

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.938.264.915.283	7.013.201.285.574
Chi phí nhân công	572.991.222.538	492.385.115.033
Chi phí khấu hao tài sản cố định	204.881.229.911	192.419.702.436
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.920.768.226	61.154.661.010
Chi phí khác bằng tiền	500.179.997.918	615.999.428.006
	<u>9.294.238.133.876</u>	<u>8.375.160.192.059</u>

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.911.500.362	-	88.953.104.467	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.054.018.993.573	(294.973.159.264)	875.495.790.118	(280.849.327.317)
Các khoản cho vay	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	23.024.567.157	(7.500.000.000)	23.570.558.235	(8.123.387.417)
	<u>2.130.955.061.092</u>	<u>(302.473.159.264)</u>	<u>1.988.019.452.820</u>	<u>(288.972.714.734)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	6.078.007.121.538	6.813.542.875.862
Phải trả người bán, phải trả khác	1.201.084.491.210	1.031.819.206.000
Chi phí phải trả	497.611.589.078	320.369.423.547
	<u>7.776.703.201.826</u>	<u>8.165.731.505.409</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.911.500.362	-	-	53.911.500.362
Phải thu khách hàng, phải thu khác	654.443.072.434	104.602.761.875	-	759.045.834.309
Các khoản cho vay	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	15.524.567.157	15.524.567.157
	1.708.354.572.796	104.602.761.875	15.524.567.157	1.828.481.901.828
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	88.953.104.467	-	-	88.953.104.467
Phải thu khách hàng, phải thu khác	470.917.955.853	123.728.506.948	-	594.646.462.801
Các khoản cho vay	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	15.447.170.818	15.447.170.818
	1.559.871.060.320	123.728.506.948	15.447.170.818	1.699.046.738.086

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	2.823.055.346.049	2.631.819.282.080	623.132.493.409	6.078.007.121.538
Phải trả người bán, phải trả khác	1.077.351.042.364	123.733.448.846	-	1.201.084.491.210
Chi phí phải trả	12.291.298.202	485.320.290.876	-	497.611.589.078
	<u>3.912.697.686.615</u>	<u>3.240.873.021.802</u>	<u>623.132.493.409</u>	<u>7.776.703.201.826</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	3.008.213.240.800	1.190.387.575.160	2.614.942.059.902	6.813.542.875.862
Phải trả người bán, phải trả khác	1.030.140.549.858	1.678.656.142	-	1.031.819.206.000
Chi phí phải trả	14.294.495.487	306.074.928.060	-	320.369.423.547
	<u>4.052.648.286.145</u>	<u>1.498.141.159.362</u>	<u>2.614.942.059.902</u>	<u>8.165.731.505.409</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Sau ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2016, Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ đã có thông báo số 25/TB-VPCP ngày 20/01/2017 về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên thực hiện lập báo cáo phương án xử lý tồn tại của Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2.

Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên đã lập báo cáo ngày 15/02/2017 gửi Bộ Công Thương và Văn phòng Chính Phủ. Trong đó, báo cáo đề xuất các phương án để khẩn trương hoàn thành dự án. Các kiến nghị trong báo cáo đang được các Bộ, Ngành tích cực xem xét đánh giá và xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để giải quyết.

Ngày 21/02/2017, Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng thực hiện mua lại 14,1 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên theo giá thỏa thuận 10.900 đồng/cổ phiếu và trở thành cổ đông nắm giữ 5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên. Sự kiện được phát sinh sau thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2016 nên các giao dịch liên quan tới Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng được xác định không phải là giao dịch với bên có liên quan khi lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày

Theo Quyết định số 286/QĐ-TTCP, ngày 16 tháng 02 năm 2017 của Tổng Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Chính phủ sẽ tiến hành thanh tra toàn diện việc Dự án cải tạo và mở rộng sản xuất giai đoạn 2 của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên. Việc thanh tra sẽ được thực hiện trong thời gian 40 ngày làm việc thực tế tại đơn vị kể từ ngày công bố Quyết định thanh tra.

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thép, các hoạt động chủ yếu của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		42.426.582.778	12.758.074.603
Công ty CP Cơ khí Gang Thép	Công ty liên kết	23.120.620.578	12.758.074.603
Công ty CP Kim khí Hà Nội	(*)	19.305.962.200	-
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		529.848.838.818	495.249.951.162
Công ty CP Cơ khí Gang Thép	Công ty liên kết	214.457.674.818	75.537.030.162
Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt - Trung	(*)	263.605.170.000	419.712.921.000
Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung	(*)	51.785.994.000	-

(*) Các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Thép Việt Nam, Tổng Công ty Thép Việt Nam là đơn vị có vốn góp 1.196.000.000.000 đồng tương ứng với 42,11% tại Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên.

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu tiền hàng		8.101.505.240	8.985.899.216
Công ty CP Cơ khí Gang Thép	Công ty liên kết	2.221.029.456	3.105.423.432
Công ty CP Luyện cán thép Gia Sàng	Công ty liên kết	5.880.475.784	5.880.475.784
Phải trả tiền hàng		32.668.932.140	1.376.402.434
Công ty CP Cơ khí Gang Thép	Công ty liên kết	32.668.932.140	1.376.402.434

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.438.112.925	2.154.000.000

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Thùy
 Người lập



Hoàng Danh Sơn
 Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Diệp
 Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 02 năm 2017